

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ R  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày: 05/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Nhận

Ông Lương Chí Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Hộ kinh doanh A

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Chị B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

**- Đồng bị đơn:**

1. Bà C, 61 tuổi

2. Ông D, không rõ năm sinh

3. Ông L, không rõ năm sinh

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Tr, không rõ năm sinh. Địa chỉ: Ấp 3, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(chị B có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị B trình bày:* Giữa Hộ Kinh doanh A và bà C, anh D, anh L có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm từ năm 2016, nhưng không ký kết hợp đồng mua bán. Việc mua bán được các bên ký giao nhận hàng vào sổ theo dõi, sau đó thì giữa Hộ kinh doanh A và người mua hàng đối chiếu công nợ với nhau bằng “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ”. Hiện tại bà C, anh D, anh L còn nợ Hộ kinh doanh A số tiền mua hàng là 45.000.000 đồng. Nay Hộ Kinh doanh A khởi kiện yêu cầu bà C, anh D, anh L có trách nhiệm thanh toán tiền nợ 45.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 23/4/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.988.000 đồng và chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

*Bị đơn bà C trình bày:* Bà C xác định có giao dịch mua bán hàng hoá là thức ăn nuôi tôm với Hộ kinh doanh A. Đồng thời bà thừa nhận còn nợ Hộ kinh doanh A số tiền 45.000.000 đồng; anh D và anh L là con trai của bà C, việc anh D và anh L có ký tên giao nhận hàng là mua thức ăn nuôi tôm là để cùng bà nuôi tôm tại phần đất của gia đình. Nay Hộ kinh doanh A khởi kiện bà C xác định đồng ý trả 45.000.000 đồng, nhưng bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng; không đồng ý trả tiền lãi như Hộ kinh doanh A yêu cầu.

Bị đơn anh D, L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa xét xử mà không có lý do chính đáng, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh D, anh L, chị T.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Hộ kinh doanh A yêu cầu bà C, anh L, anh D trả 45.000.000đ tiền nợ gốc mua thức ăn nuôi tôm; tiền lãi tính từ 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.975.550 đồng và chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn bà C, anh D, anh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do chính đáng là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà C, anh L, anh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh A, buộc bà C, anh D, anh L có trách nhiệm liên đới trả cho Hộ kinh doanh A tổng số tiền 47.975.550 đồng. (Trong đó: nợ gốc 45.000.000 đồng; tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.975.550 đồng) và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” do bị đơn bà C, anh L, anh D, cùng cư trú tại: Ấp 3, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đồng bị đơn là bà C, anh D, anh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C, anh D, anh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T có nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn nuôi tôm tổng số tiền nợ gốc: 45.000.000 đồng; tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.975.550 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Hộ kinh doanh A cung cấp: Sổ theo dõi mua bán và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 01/2019; tháng 3/2019; tháng 4/2021.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu nêu trên có cơ sở xác định giữa Hộ kinh doanh A và bà C, anh D, anh L có giao dịch mua bán hàng hoá là có xảy ra trên thực tế, việc mua bán hàng hóa được các bên ký xác nhận vào sổ theo dõi; đồng thời tháng 4/2021 các bên cũng đã đối chiếu công nợ, chị Nguyễn Huyền T là con dâu của bà C sống cùng nhà bà C đã ký xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh A số tiền 45.000.000 đồng; cũng tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2022 bà Hồng xác định bà và con trai bà là anh D, anh L có giao dịch mua thức ăn nuôi tôm

của Hộ kinh doanh A để nuôi tôm cho gia đình và còn nợ Hộ kinh doanh A số tiền 45.000.000; bà C đồng ý trả nợ nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, do hiện tại gia đình kinh tế khó khăn, anh D và anh L đi làm xa nhà. Từ những tài liệu trên và lời khai của bà C, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của Hộ kinh doanh A yêu cầu bà Hồng, anh L, anh D cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ mua thức ăn nuôi tôm 45.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu của Hộ kinh doanh A về việc yêu cầu bà C, anh L, anh D trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 45.000.000 đồng từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.975.550 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định:

*“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*

Căn cứ Điều 486 Bộ luật dân sự quy định:

*“ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Do bà c, anh D, anh L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng; các bên đã đối chiếu công nợ tháng 4/2021, nên Hộ kinh doanh A yêu cầu bà C, anh L, anh D cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 45.000.000 đồng từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là có căn cứ chấp nhận. Xét thấy nợ gốc là 45.000.000 đồng  $\times 0.83\% \times 7$  tháng 29 ngày = 2.975.550 đồng;

[4] Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R về việc giải quyết vụ án là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà C, anh D, anh L cùng có nghĩa vụ trả nợ và phải chịu án phí theo

quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà c, anh L, anh D cùng phải chịu là: 47.975.550 đồng x 5% = 2.398.777 đồng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh A đối với bà Phạm Thị C anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc bà Phạm Thị C anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho Hộ kinh doanh A số tiền nợ vốn là 45.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 là 2.975.550 đồng, tổng số tiền: 47.975.550 đồng (Bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng bà Phạm Thị C anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Phạm Thị C anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L cùng phải nộp 2.398.777 đồng. Hộ kinh doanh A không phải chịu án phí, Hộ kinh doanh A đã nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 1.874.000 đồng tại Biên lai thu số 0004032 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã R được hoàn lại toàn bộ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**- Nơi nhận:**

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND cùng cấp;
- + Chi cục THADS cùng cấp;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thuý**